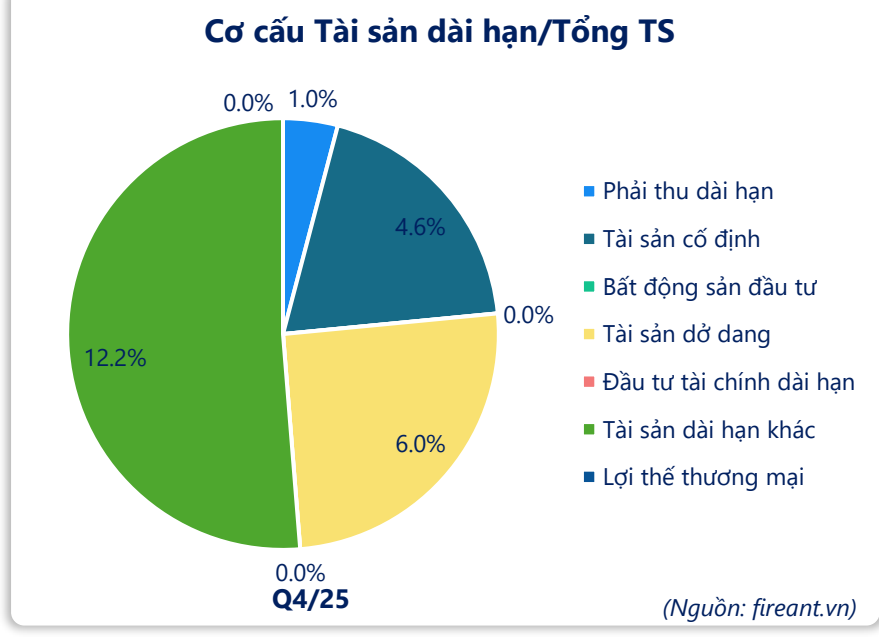
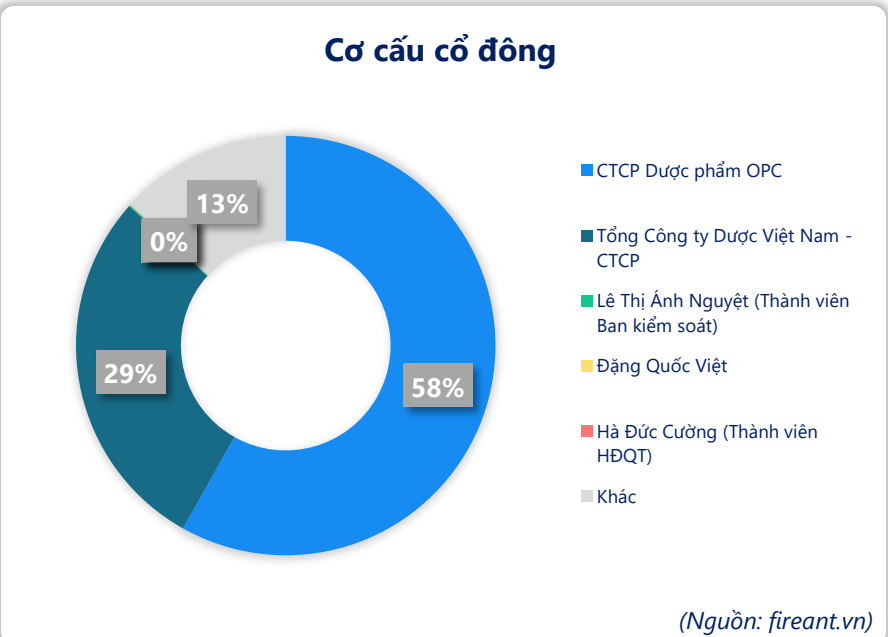
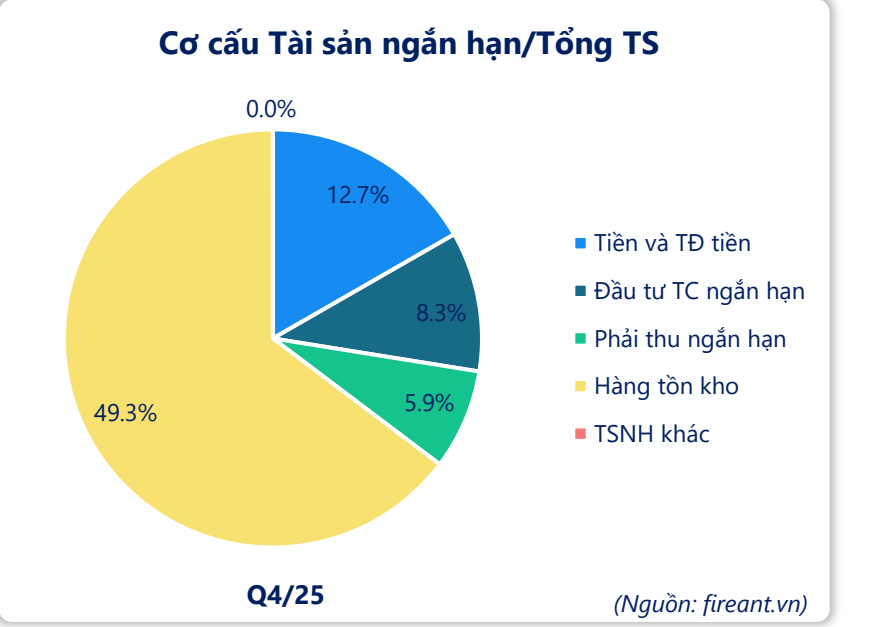
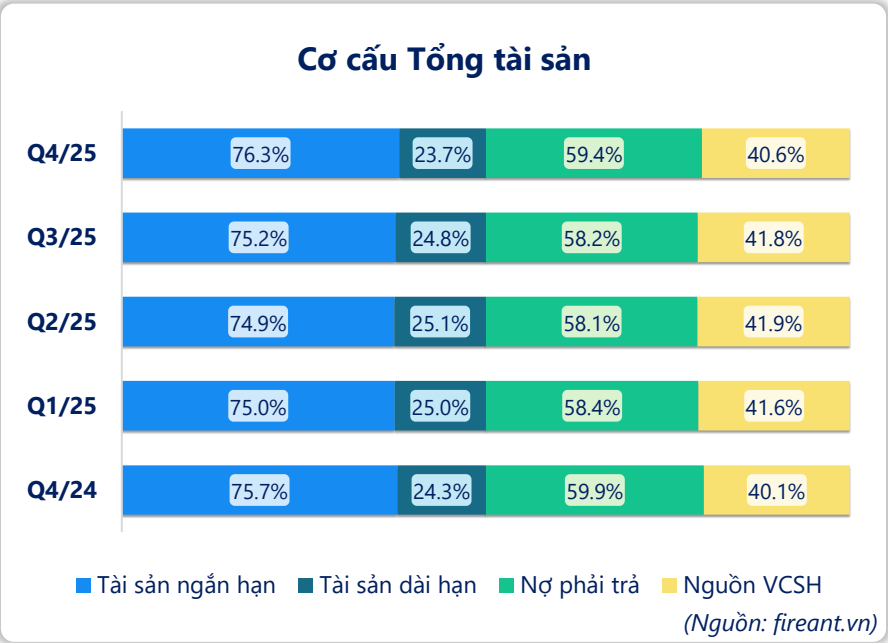
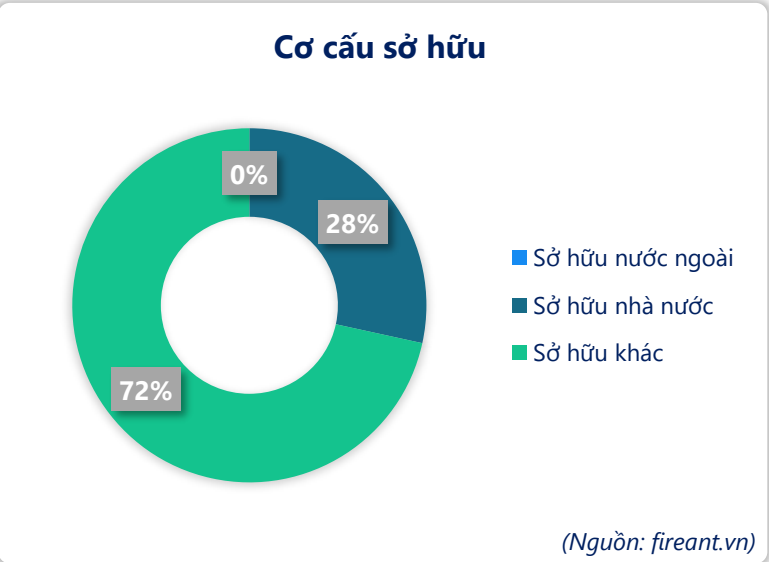
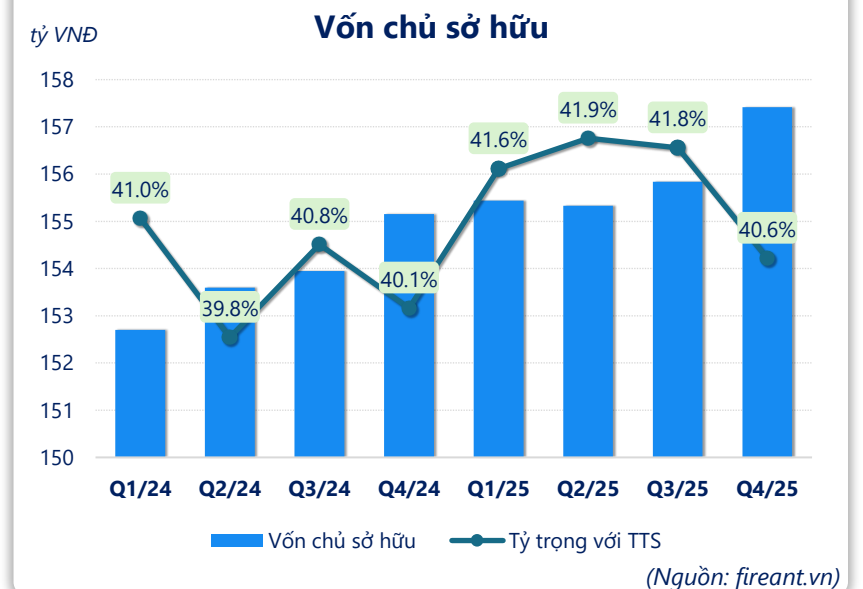
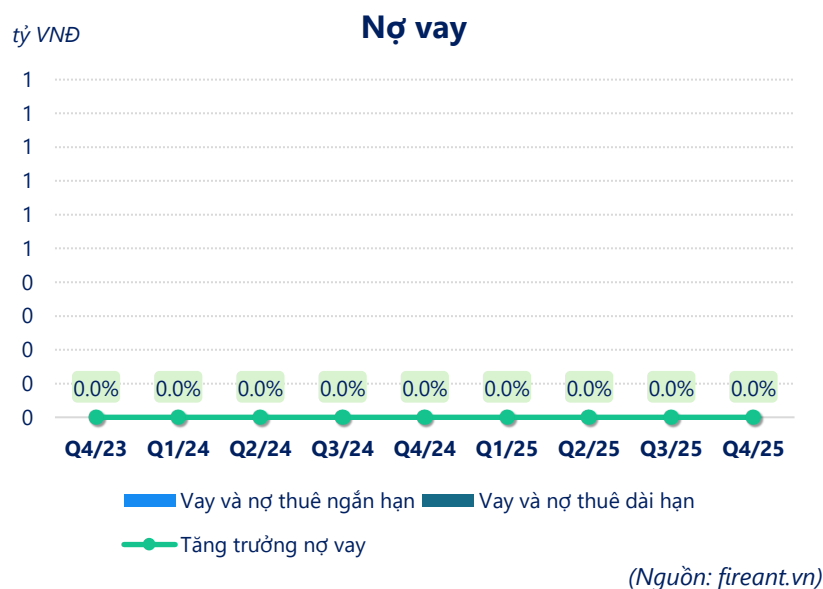
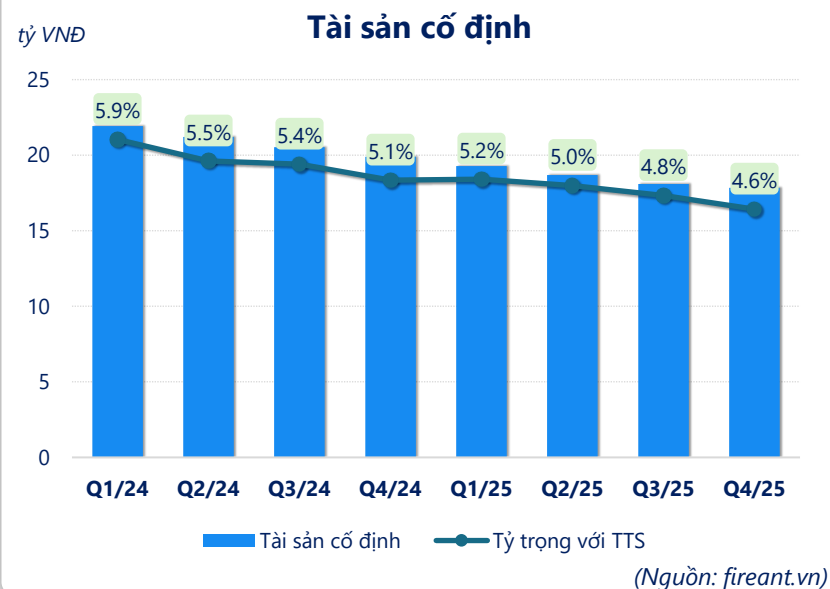
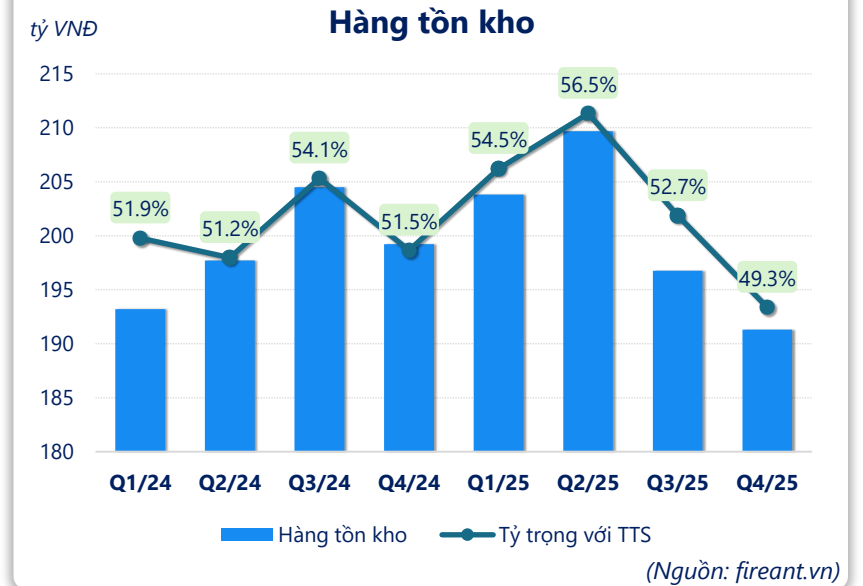
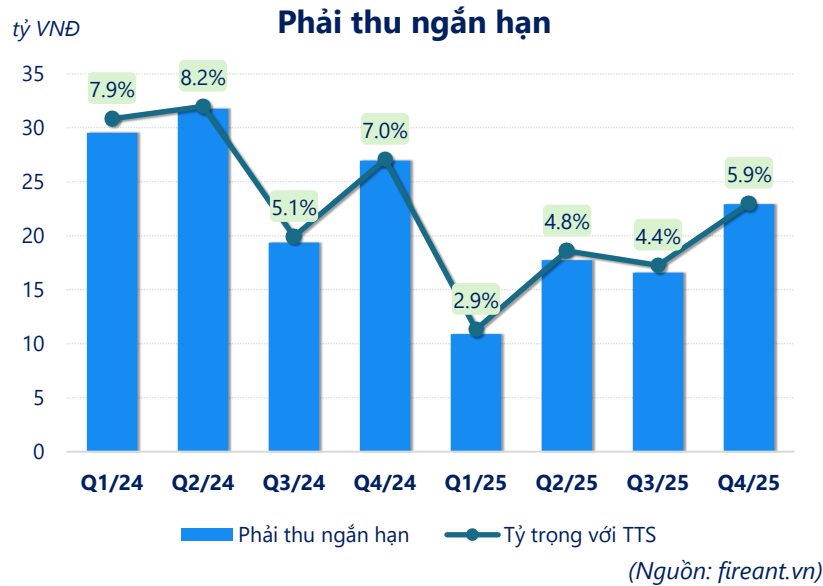
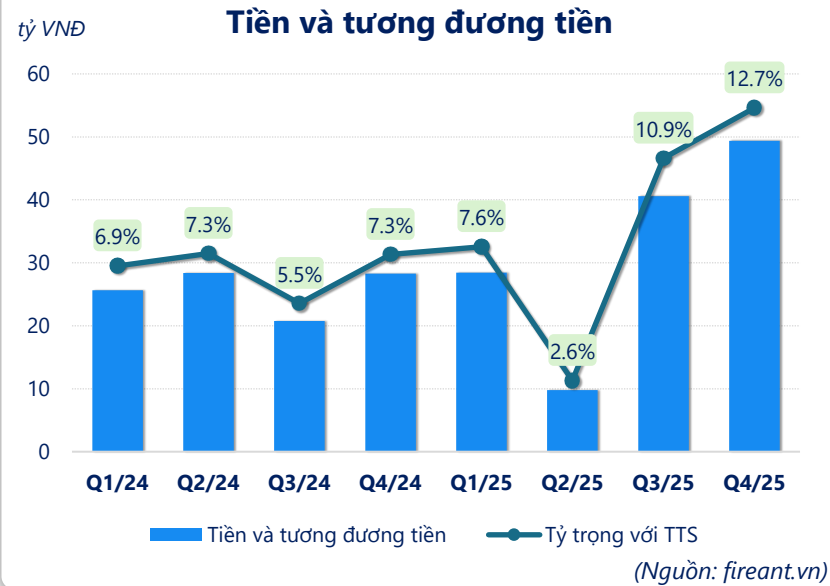
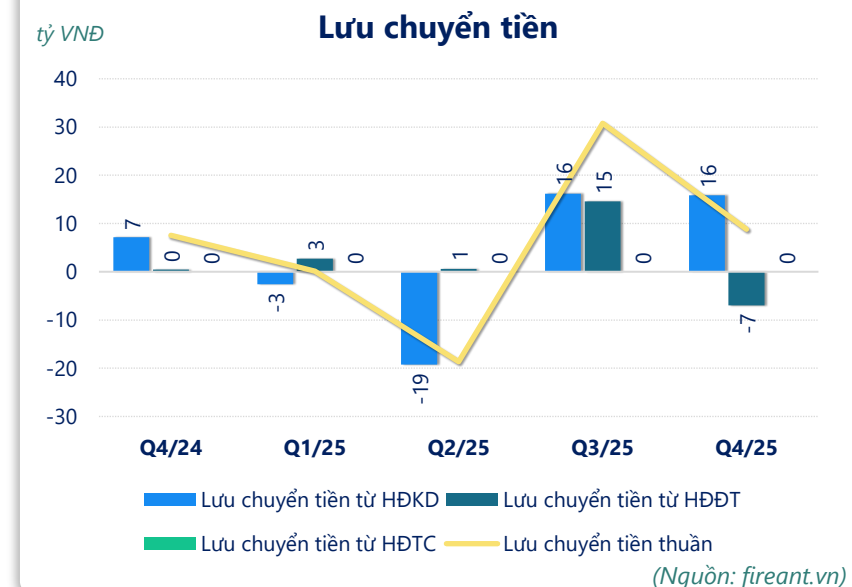
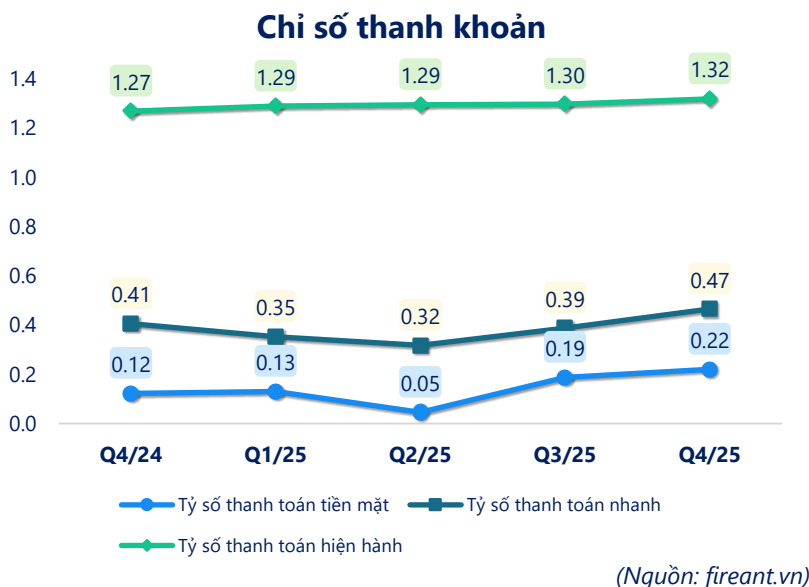
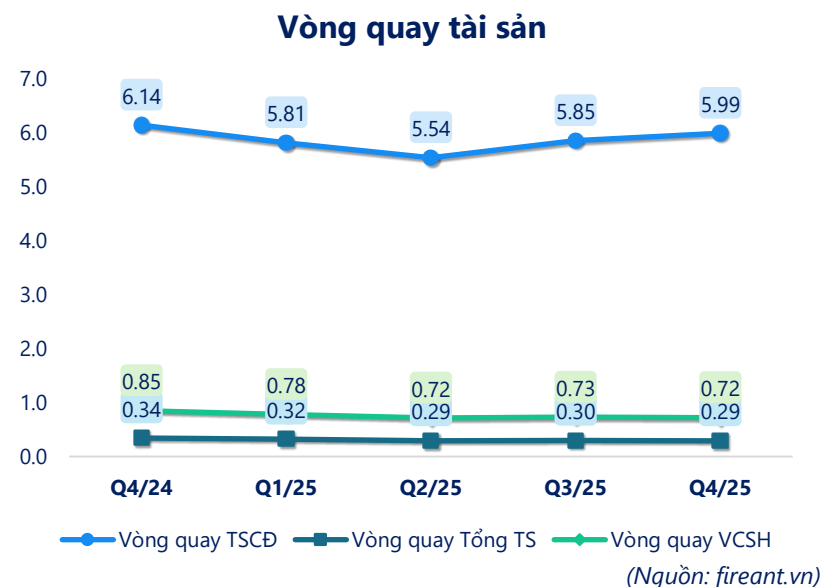
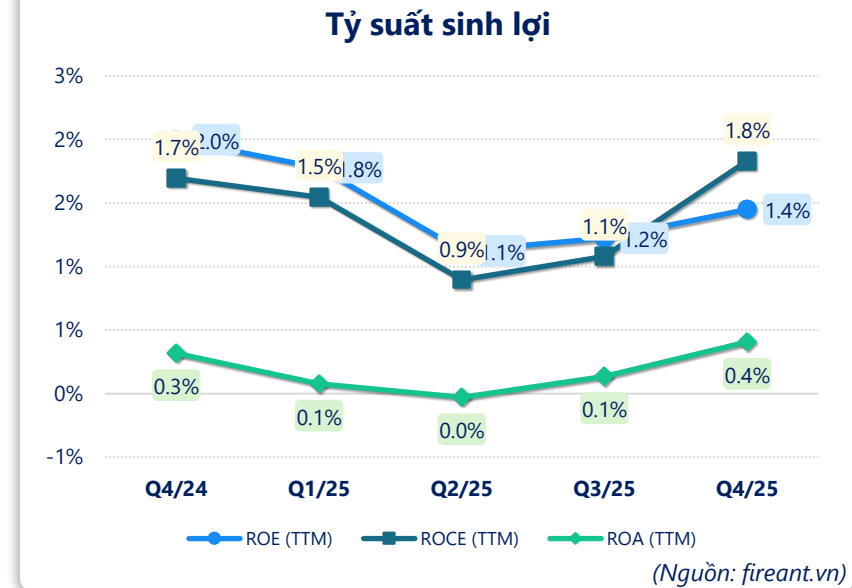
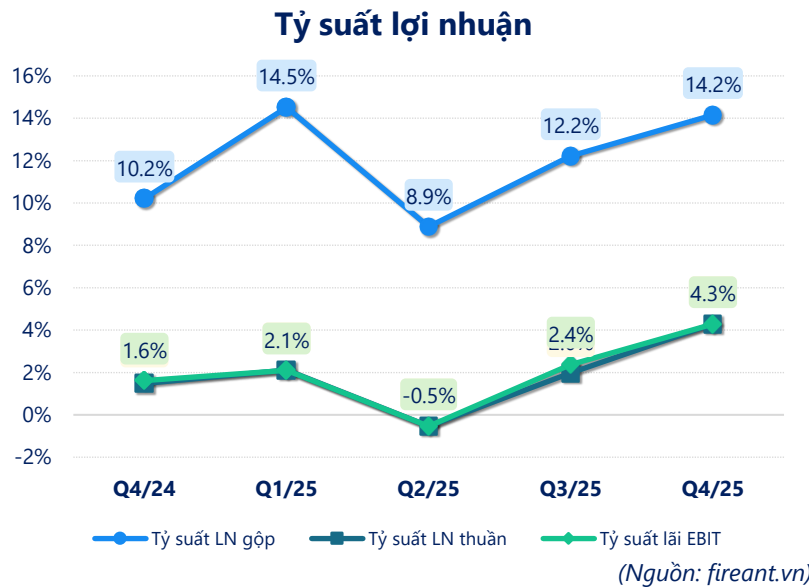
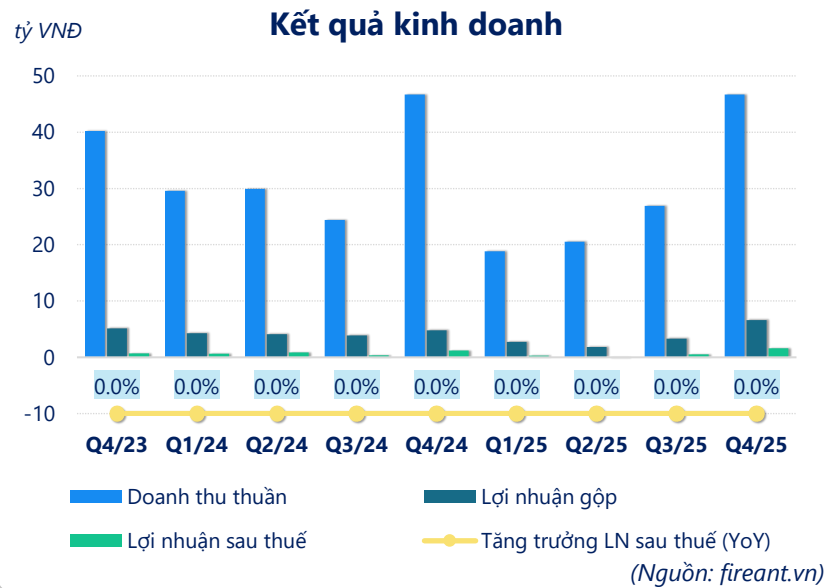


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
SL cổ phiếu LH		13,294,641
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,135
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		134
P/E		59.3
EPS		170

	YTD	1T	3T	6T
UPH	-1.0%	3.1%	6.3%	4.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	388	387	0.2%
Tài sản ngắn hạn	296	293	1.0%
Tiền và tương đương tiền	49.4	28.3	74.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.0	38.0	-15.8%
Phải thu ngắn hạn	22.9	26.7	-14.1%
Hàng tồn kho	191	199	-4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.52	-98.9%
Tài sản dài hạn	92.0	94.1	-2.2%
Phải thu dài hạn	3.77	3.76	0.3%
Tài sản cố định	17.8	19.9	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.2	21.2	9.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	47.2	49.2	-4.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	230	232	-0.6%
Nợ ngắn hạn	224	231	-2.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	14.1	-26.3%
Nợ dài hạn	5.97	1.01	492%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	155	1.5%
Vốn chủ sở hữu	157	155	1.5%
Vốn điều lệ	133	133	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	46.7	18.8	20.5	26.9	46.7
Giá vốn hàng bán	41.9	16.1	18.7	23.6	40.1
Lợi nhuận gộp	4.77	2.73	1.82	3.29	6.61
Doanh thu HĐTC	0.91	0.40	0.95	0.35	0.76
Chi phí TC	0.00	0.00	0.03	0	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.23	0.18	0.23	0.27	0.53
Chi phí QLDN	3.76	2.55	2.64	2.84	4.82
LN thuần từ HĐKD	0.69	0.40	-0.11	0.53	2.00
Lợi nhuận khác	0.06	0.00	0	0.11	0.00
LN trước thuế	0.76	0.39	-0.11	0.64	2.00
Lợi nhuận sau thuế	1.21	0.29	-0.11	0.51	1.58
LNST của CĐ cty mẹ	1.21	0.29	-0.11	0.51	1.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.12	-2.60	-19.3	16.2	15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.43	2.73	0.61	14.6	-7.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	20.8	28.3	28.4	9.78	40.6
Lưu chuyển tiền thuần	7.55	0.13	-18.6	30.8	8.82
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.00	0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	28.3	28.4	9.78	40.6	49.4

(Nguồn: fireant.vn)